

**QUYẾT ĐỊNH**

**Triển khai thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao;*

*Căn cứ Thông tư 18/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 96/TTr-SVHTTDL ngày 26/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện một số nội dung tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Triển khai thực hiện việc chi trả tiền lương; tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Quảng Nam trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

## 2. Đối tượng áp dụng

Huấn luyện viên, vận động viên là công dân Việt Nam được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Huấn luyện viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

c) Vận động viên đội tuyển tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

d) Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

## 3. Tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu

**3.1.** Đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Quyết định này được hưởng tiền lương như sau:

a) Được hưởng nguyên tiền lương đang được hưởng (*bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có*) do cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên chi trả.

b) Được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp mức tiền lương quy định tại Tiết a, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 1, Quyết định này tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng thấp hơn so với mức tiền lương quy định tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 1, Quyết định này.

- Mức tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tập huấn, thi đấu chia cho 26 ngày.

**3.2.** Đối tượng quy định tại Điểm b và c, Khoản 2, Điều 1, Quyết định này được hưởng tiền lương theo ngày thực tế tập huấn, thi đấu như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

TT	Đối tượng	Mức lương ngày đối với vận động viên	Mức lương ngày đối với huấn luyện viên
1	Đội tuyển tỉnh	180.000	215.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh		180.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh		180.000

**3.3.** Đối tượng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 1, Quyết định này được hưởng tiền hỗ trợ theo ngày thực tế tập huấn, thi đấu như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

TT	Đối tượng	Mức hỗ trợ theo ngày đối với vận động viên
1	Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	75.000
2	Vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	55.000

**3.4.** Các đối tượng quy định tại Điểm 3.1, Điểm 3.2 và Điểm 3.3, Khoản 3, Điều 1, Quyết định này được hưởng thêm khoản tiền hỗ trợ cho những ngày thực tế tập huấn, thi đấu vượt quá 26 ngày trong tháng. Khoản tiền hỗ trợ được

xác định bằng mức tiền trả theo ngày quy định tại Điểm 3.2, Điểm 3.3, Khoản 3, Điều 1, Quyết định này nhân với 200%.

**4. Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

**5. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 6, Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về việc quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

**6. Chế độ bảo hiểm đối với huấn luyện viên, vận động viên khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài**

Huấn luyện viên, vận động viên khi tập huấn, thi đấu ở nước ngoài được mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

**7. Nguồn kinh phí thực hiện**

a) Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước đảm bảo chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh theo mức và thời gian quy định tại Quyết định này.

b) Nguồn huy động tài trợ, hỗ trợ và nguồn thu hợp pháp khác: Khuyến khích các đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên huy động các tổ chức, cá nhân tài trợ, hỗ trợ và các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung, tăng thêm chế độ dinh dưỡng, tiền công, tiền trợ cấp và các chế độ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:**

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc căn cứ tổng mức dự toán ngân sách phân bổ và chỉ tiêu đào tạo được giao hàng năm để xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, tập huấn chuẩn bị lực lượng vận động viên tham gia thi đấu các giải thể thao quốc gia và tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng các chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên theo Quyết định này.

- Chủ trì, xây dựng Đề án báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định các nội dung còn lại tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh (không có trong quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên).

**2.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn lập dự toán, kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí trong dự toán kế hoạch hằng năm để thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh về việc quy định chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ, quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - VP Chính phủ;
  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
  - TT TU, TT HĐND tỉnh;
  - CT, các PCT UBND tỉnh;
  - Các Sở, Ban, ngành;
  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
  - Các Phó VP UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, TH, KTN, NC, KTTH, KGVX.
- D:\Thanh2021\IDTT\QĐ triển khai ND 152 của Chính phủ - HC.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Tân**